

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 30/12/2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Ngô Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm B, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1979; Ông Đàm Thuận T, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn H, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Vũ Thị H trình bày: Giữa bà với bà H, ông T đã ký 04 giấy vay tiền gồm: Giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 13/01/2017 vay số tiền 100.000.000 đồng do bà H ký nhận; Hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2017 vay số tiền 200.000.000 đồng do ông T ký nhận; Giấy vay tiền kiêm nhận ngày 25/10/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng do ông T

ký nhận; Giấy vay tiền kiêm nhận ngày 11/01/2017 vay số tiền 150.000.000 đồng do ông T ký nhận. Tổng số tiền của 04 giấy này là 600.000.000 đồng. Sau khi ký 04 giấy vay tiền này do bà H, ông T chưa trả tiền cho bà và để thuận lợi cho việc theo dõi công nợ nên bà và bà H đã chốt lại số nợ gốc vào giấy ngày 12/01/2017. Vì vậy, số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng theo giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 12/01/2017 thực tế là tổng số nợ chốt lại của 04 giấy vay tiền trên. Chữ viết ngày 12/01/2017 là do bà tự viết, còn toàn bộ nội dung là do bà H tự viết. Từ khi chốt giấy này bà H, ông T chưa trả tiền cho bà.

Ngày 18/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn giữa bà và bà H đã thỏa thuận phương án trả nợ: bà H, ông T trả cho bà 150.000.000 đồng vào ngày 25/10/2019. Số tiền còn lại 450.000.000 đồng, bà H ông T trả dần cho bà mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 29 hàng tháng, tính từ tháng 01 năm 2020. Bà H xin không trả lãi. Sau khi bà H, ông T trả tiền thì bà trả lại cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H. Theo thỏa thuận này thì ngày 25/10/2019 bà H phải trả tiền cho bà nhưng bà H đã không thực hiện. Từ đó đến nay, bà H cũng chưa thực hiện thỏa thuận này với bà. Nếu bà H thực hiện thỏa thuận ngày 18/10/2019 thì bà không tính lãi nhưng do bà H không thực hiện nên bà yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại giấy vay tiền kiêm biên nhận này đã thỏa thuận thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày 12/01/2017, chậm nhất đến ngày 02/2/2017 sẽ trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi cho bà H theo đúng giấy này. Tại giấy biên nhận không ghi lãi suất. Lãi suất do hai bên thỏa thuận ở ngoài. Mức lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Từ khi ký giấy chốt nợ ngày 12/01/2017 đến nay, bà H ông T chưa trả tiền gốc, lãi cho bà. Bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H, ông T không trả tiền cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông T phải cho bà số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và trả lãi cho bà từ ngày 12/01/2017 đến nay theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Để đảm bảo cho khoản vay này, bà H, ông T đã đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H. Hai bên không viết giấy tờ, không làm thủ tục đăng ký gì liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà H đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân; Giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 12/01/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H; Giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 13/01/2017 vay số tiền 100.000.000 đồng do bà H ký nhận; Hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2017 vay số tiền 200.000.000

đồng do ông T ký nhận; Giấy vay tiền kiêm nhận ngày 25/10/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng do ông T ký nhận; Giấy vay tiền kiêm nhận ngày 11/01/2017 vay số tiền 150.000.000 đồng do ông T ký nhận.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án án, bị đơn là bà Ngô Thị H trình bày: Bà xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà Vũ Thị H là đúng. Bà xác nhận số tiền 600.000.000 đồng theo giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 12/01/2017 thực tế là tổng số nợ chót lại của 04 giấy vay tiền trên. Chữ viết ngày 12/01/2017 là do bà H tự viết, còn toàn bộ nội dung là do bà tự viết. Bà không đề nghị Tòa án trưng cầu giám định đối với dòng chữ do bà H viết. Từ khi chót giấy này bà chưa trả tiền cho bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn giữa bà và bà H đã thỏa thuận phương án trả nợ như bà H trình bày là đúng. Từ đó đến nay, bà chưa thực hiện được thỏa thuận này với bà H. Do không có tiền nên bà xin trả 70.000.000 đồng và bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên bà Ngô Thị H.

Tại giấy biên nhận không ghi lãi suất do hai bên thỏa thuận lãi suất ở ngoài. Mức lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Từ khi ký giấy chót nợ ngày 12/01/2017 đến nay, bà chưa trả tiền cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà và ông T phải trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi từ ngày 12/01/2017 đến nay theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước, bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng và cùng có trách nhiệm trả nợ, bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và xin không trả lãi vì kinh tế khó khăn.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H, bà không nhớ ai trong gia đình bà đã đưa giấy này cho bà H. Hai bên không viết giấy tờ, không làm thủ tục đăng ký gì liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà H không nộp tài liệu, chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2019, bị đơn là ông Đàm Thuận T trình bày: Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông không có ý kiến gửi đến Tòa án. Ông đề nghị Tòa án ghi lời khai. Ông đã được vợ là bà Ngô Thị H thông báo toàn bộ nội dung các buổi làm việc tại Tòa án. Ông nhất trí với nội dung buổi làm việc tại Tòa án ngày 18/10/2019. Vợ chồng ông xác nhận số nợ bà H 600.000.000 đồng theo giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 12/01/2019. Đây thực tế là chót bốn giấy vay tiền mà ông và bà H đã ký với bà H. Ông xác định đây là nợ chung của vợ chồng và có trách nhiệm trả nợ. Hiện tại kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông chưa có tiền trả cho bà H. Ông bà xin trả dần. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng từ khi chót

nợ ngày 12/01/2017 vợ chồng ông chưa trả được tiền cho bà H. Theo thỏa thuận ngày 18/10/2019 tại Tòa án, vợ chồng ông hứa trả cho bà H 150.000.000 đồng vào ngày 25/10/2019 nhưng chưa thực hiện được. Nay vợ chồng ông xin trả 70.000.000 đồng, bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H cho vợ chồng ông, phần tiền còn lại xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Ông không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà H cho bà H, còn ai đưa ông không biết. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án giao nhưng ông không đến Tòa án làm việc. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Mọi văn bản Tòa án tổng đạt cho bà H, bà H nhận thay ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị H trình bày: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, đã được nghe bà H thông báo về việc bà H khởi kiện bà H, ông T vay tiền nhưng bà không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Bà đề nghị Tòa án ghi lời khai của bà. Bà không liên quan đến việc bà H khởi kiện bà H, ông T. Bà không quen biết, không liên quan đến bà H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 24, diện tích 80m² ở thôn Đoài, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, bà gửi tại nhà mẹ đẻ là Nghiêm Thị H đã mất năm 2016 ở Hương Mạc, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bà không biết ai là người đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho bà H. Bà đề nghị bà H trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc trả tiền cho bà H là trách nhiệm của bà H, ông T. Bà đã nhận được Thông báo kết quả phiên họp tại Tòa án, bà không đồng ý với kết quả buổi hòa giải đó. Bà không đến Tòa án làm việc theo giấy của Tòa án, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà. Mọi văn bản tố tụng của Tòa án, bà H là em gái bà sẽ nhận thay và thông báo kết quả cho bà. Để gia đình bà yên tâm làm ăn, bà đề nghị Tòa án không gửi các văn bản tố tụng đến gia đình bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,9%/năm tính từ ngày 12/01/2017 đến nay. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà H, ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H vắng mặt tại phiên tòa. Ông T, bà H xin xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt lần thứ hai đã tổng đạt hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 184; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Vũ Thị H đối với bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T.

Buộc bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T phải trả cho bà Vũ Thị H tổng số tiền 760.200.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng nợ gốc và 160.200.000 đồng nợ lãi .

Trả lại cho bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 547758 mang tên bà Ngô Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ thường trú: Thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo giấy vay tiền kiêm biên nhận ngày 12/01/2017 đã ký kết giữa hai bên và xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên bà Ngô Thị H nên đây là vụ án dân sự, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T trú tại thôn H, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hai bên đương sự ký hợp đồng vào ngày 12/01/2017. Tại giấy vay tiền kèm biên nhận này đã thỏa thuận thời hạn thanh toán là 20 ngày kể từ ngày 12/01/2017, chậm nhất đến ngày 02/2/2017 sẽ trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi cho bà H theo đúng giấy này. Bà H đã yêu cầu bà H, ông T trả tiền nhiều lần nhưng không trả nên bà H đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 13/12/2019, bà H, ông T, bà H vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 30/12/2019, bà H vắng mặt lần thứ hai, ông T, bà H xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T và bà H.

- *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét giấy vay tiền kèm biên nhận ngày 12/01/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy vay tiền kèm biên nhận này đã thỏa thuận thời hạn là 20 ngày kể từ ngày 12/01/2017, chậm nhất đến ngày 02/2/2017 sẽ trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi cho bà H theo đúng giấy này. Đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, có lãi được quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký giấy vay tiền được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Bà H, ông T đã nhận đầy đủ tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên bà H đã khởi kiện ra Tòa án buộc bà H, ông T phải trả tiền cho bà theo giấy theo giấy vay tiền kèm biên nhận đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà H, bà H, ông T đều xác nhận số nợ 600.000.000 đồng theo theo giấy vay tiền kèm biên nhận ngày 12/01/2017 là đúng và thực tế là chót nợ của 04 giấy vay tiền gồm: giấy vay tiền kèm biên nhận ngày 13/01/2017 vay số tiền 100.000.000

đồng do bà H ký nhận; Hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2017 vay số tiền 200.000.000 đồng do ông T ký nhận; Giấy vay tiền kiêm nhận ngày 25/10/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng do ông T ký nhận; Giấy vay tiền kiêm nhận ngày 11/01/2017 vay số tiền 150.000.000 đồng do ông T ký nhận. Sau khi ký 04 giấy vay tiền này do bà H, ông T chưa trả tiền cho bà H và để thuận lợi cho việc theo dõi công nợ nên bà H và ông T đã chốt lại số nợ gốc vào giấy ngày 12/01/2017. Do các đương sự đều xác nhận số nợ là đúng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, vấn đề này không phải chứng minh và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà H, ông T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng.

Về yêu cầu đòi tiền lãi: Bà H, ông T đều xác nhận khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Từ khi chốt nợ ngày 12/01/2017 bà H, ông T chưa trả tiền cho bà H. Tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2019 ở trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn giữa bà H và ông T đã thỏa thuận phương án trả nợ: bà H, ông T trả cho bà H 150.000.000 đồng vào ngày 25/10/2019. Số tiền còn lại 450.000.000 đồng, bà H ông T trả dần cho bà H mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 29 hàng tháng, tính từ tháng 01 năm 2020. Bà H xin không trả lãi nhưng ông T không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà H không đồng ý miễn lãi. Bà H yêu cầu ông T phải trả lãi cho bà từ ngày 12/01/2017 đến nay theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định. Tại quyết định số 2668/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (tương đương 0,75%/tháng). Xét thấy, yêu cầu tính lãi của bà H là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông T phải trả lãi cho bà H từ ngày 12/01/2017 đến ngày xét xử 30/12/2019 là: 35 tháng 18 ngày x 0,75%/tháng x 600.000.000 đồng = 160.200.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông T phải trả cho bà H là 760.200.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng nợ gốc và 160.200.000 đồng nợ lãi.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H do bà Vũ Thị H đang giữ, theo bà H trình bày do ông T đưa cho bà để bảo đảm cho khoản vay. Phía ông T không biết ai là người đã đưa cho bà H giấy này. Bà H là chủ sở hữu của giấy chứng nhận khẳng định không đưa giấy này cho ai mà gửi tại nhà mẹ đẻ ở Hương Mạc. Tòa án đã xác minh tại nhà ông Ngô Gia D là bố đẻ của bà H, bà H nhưng ông khẳng định không có ai gửi giấy chứng nhận tại nhà ông. Tòa án cũng đã xác minh tại nhà ông Hiến là em trai bà H, bà H cũng khẳng định không biết, không liên quan gì đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà H. Tòa án cũng đã triệu tập nhiều lần nhưng phía ông T, bà H không đến Tòa án

làm việc nên không thể tiến hành đối chất về nội dung này. Người vay tiền của bà H là bà Hương, ông Tuấn và bà Hương, ông Tuấn cũng có đề nghị được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoài. Vì vậy, có thể khẳng định bà Hương, ông Tuấn là người đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoài cho bà Huyền để đảm bảo cho khoản vay tiền. Khi đưa giấy chứng nhận này cho bà Huyền, hai bên không lập hợp đồng, không có công chứng, chứng thực và không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không có hiệu lực pháp luật. Bà Hương, ông Tuấn và bà Huyền đều đề nghị Tòa án giải quyết giấy chứng nhận này theo quy định của pháp luật. Bà Hoài là chủ sở hữu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có yêu cầu được nhận lại giấy này. Tuy nhiên giữa bà Hoài với bà Huyền không thực hiện bất kỳ một giao dịch nào liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà H. Thực chất giấy chứng nhận này quyền sử dụng đất mang tên bà H là để đảm bảo cho các khoản tiền vay của bà H, ông T. Giữa bà H, bà H và ông T nếu có tranh chấp về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Do vậy cần trả lại cho bà H, ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ngô Thị H.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Huyền tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là bà H, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 184; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T phải trả cho bà Vũ Thị H tổng số tiền 760.200.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng nợ gốc và 160.200.000 đồng nợ lãi.

Trả lại cho bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 547758 mang tên bà Ngô Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ thường trú: Thôn D, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: Bà Ngô Thị H, ông Đàm Thuận T phải chịu 34.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị H 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002217 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh